

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL

Địa chỉ: Tầng 5, tòa N02, Gold Season, số 47, đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0700324666

-----000-----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV/2025

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL

Địa chỉ: Tầng 5, tòa N02, Gold Season, số 47, đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân
Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0700324666

-----ooo-----



BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2025

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL

Địa chỉ : Tầng 5, tòa NO2, Gold Season, số 47, đường Nguyễn Tuấn, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính : Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		63.550.106.164	57.314.927.773
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.039.901.553	12.386.188.011
1. Tiền	111	5.1	6.039.901.553	12.386.188.011
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25.975.604.611	390.540.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		25.975.604.611	417.643.008
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			(27.103.008)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.534.600.000	40.555.204.579
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131			12.215.674.152
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		177.600.000	10.078.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.3a	6.000.000.000	3.500.000.000
6. Các khoản phải thu khác	136	5.2a	25.405.000.000	14.889.758.279
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		(48.000.000)	(128.227.852)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		-	3.982.995.183
1. Hàng tồn kho	141			3.982.995.183
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.000.000.000	20.929.789.813
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.000.000.000	15.001.600.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.3b	10.000.000.000	10.000.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.2b	5.000.000.000	5.001.600.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222			
- Giá trị hao mòn lũy kế	223			
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
III. Bất động sản đầu tư	230			

- Nguyên giá	231		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	-	5.900.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.900.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		
VI. Tài sản dài hạn khác	260	-	28.189.813
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		28.189.813
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		
4. Tài sản dài hạn khác	268		
5. Lợi thế thương mại	269		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	78.550.106.164	78.244.717.586

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		565.467.541	947.761.485
I. Nợ ngắn hạn	310		565.467.541	947.761.485
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.500.000	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			626.665.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.4	563.967.541	321.096.485
4. Phải trả người lao động	314			
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319			
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.5	77.984.638.623	77.296.956.101
I. Vốn chủ sở hữu	410		77.984.638.623	77.296.956.101
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		75.969.810.000	75.969.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		75.969.810.000	75.969.810.000

32
VG
PT
ĐA
IO

- Cổ phiếu ưu đãi	411b		
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421	2.014.828.623	1.327.146.101
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	1.327.146.101	30.417.272
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	687.682.522	1.296.728.829
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
1. Nguồn kinh phí	431		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	78.550.106.164	78.244.717.586

Người lập biểu



Đặng Thị Minh Thúy

Kế toán trưởng



Lê Thị Khánh Hòa

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL

Địa chỉ : Tầng 5, tòa N02, Gold Season, số 47, đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính : Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý IV năm 2025

Mẫu số B 02 – DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	11.790.881.800	8.111.762.209	14.760.820.300	35.660.063.272
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		11.790.881.800	8.111.762.209	14.760.820.300	35.660.063.272
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	11.557.722.669	7.819.734.607	14.450.082.935	34.326.184.249
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		233.159.131	292.027.602	310.737.365	1.333.879.023
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.216.735.865	841.120.381	1.580.230.372	2.032.148.067
7. Chi phí tài chính	22	6.4	15.877.604	3.220.200	21.287.279	68.627.764
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.590.525		4.590.525	129.886.196
8. Chi phí bán hàng	25					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	(391.160.783)	2.705.685	1.023.540.469	1.575.262.208
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.825.178.175	1.127.222.098	846.139.989	1.722.137.118
11. Thu nhập khác	31	6.6	5.541	54.362	16.868	63.847
12. Chi phí khác	32	6.7	26.501.635	9.214.120	42.841.163	52.167.120
14. Lợi nhuận khác	40		(26.496.094)	(9.159.758)	(42.824.295)	(52.103.273)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.798.682.081	1.118.062.340	803.315.694	1.670.033.845
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	115.633.172	225.455.292	115.633.172	325.949.697
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.683.048.909	892.607.048	687.682.522	1.344.084.148
19. Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu	70		221,54	117,49	90,52	176,92

Người lập biểu

Thuy

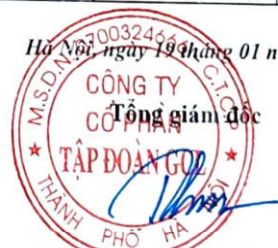
Đặng Thị Minh Thúy

Kế toán trưởng

Khánh Hòa

Lê Thị Khánh Hòa

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2026



Phan Nam Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL

Địa chỉ : Tầng 5, tòa NO2, Gold Season, số 47, đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính : Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý IV năm 2025

Mẫu số B03– DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV năm 2025	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		34.730.981.632	39.125.471.359
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(33.640.481.348)	(42.110.644.655)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(661.380.000)	(713.029.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(4.590.525)	(129.886.196)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(314.110.867)	(474.649.497)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		17.481.293.785	32.386.517.011
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(28.191.313.649)	(18.045.732.425)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.599.600.972)	10.038.046.597
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(36.000.000.000)	(24.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		33.500.000.000	26.800.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		5.900.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		853.314.514	1.292.793.025
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.253.314.514	3.892.793.025
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5.054.464.565	4.006.108.200
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.054.464.565)	(5.743.096.842)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(1.736.988.642)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(6.346.286.458)	12.193.850.980
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.386.188.011	192.337.031
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		6.039.901.553	12.386.188.011

Người lập biểu

Đặng Thị Minh Thúy

Kế toán trưởng

Lê Thị Khánh Hòa



Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2026

Tổng giám đốc

Phan Nam Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL

Địa chỉ: Tầng 5, tòa N02, Gold Season, số 47, đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**Mẫu số B09a-DN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập Đoàn GCL là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700324666 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2009 và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 28 vào ngày 02 tháng 08 năm 2024.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 28 ngày 02 tháng 08 năm 2024 là 75.969.810.000 VND (Bằng chữ: Bảy mươi lăm tỷ chín trăm sáu mươi chín triệu tám trăm mười nghìn đồng) tương đương với 7.596.981 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 5, tòa N02, Gold Season, số 47, đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Kinh doanh bất động sản

Ngành nghề kinh doanh như sau:

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
0710	Khai thác quặng sắt
0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác
1610	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ
1621	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác
2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
2910	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác
3011	Đóng tàu và cấu kiện nổi
3099	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu
3315	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
4101	Xây dựng nhà để ở
4102	Xây dựng nhà không để ở

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL

Địa chỉ: Tầng 5, tòa N02, Gold Season, số 47, đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**Mẫu số B09a-DN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

4211	Xây dựng công trình đường sắt
4212	Xây dựng công trình đường bộ
4221	Xây dựng công trình điện
4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
4223	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
4229	Xây dựng công trình công ích khác
4291	Xây dựng công trình thủy
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
4311	Phá dỡ
4312	Chuẩn bị mặt bằng
4321	Lắp đặt hệ thống điện
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
4511	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Bán buôn xe có động cơ khác
4512	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)
4513	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Đại lý xe có động cơ khác
4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)
4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL

Địa chỉ: Tầng 5, tòa N02, Gold Season, số 47, đường Nguyễn Tuấn, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**Mẫu số B09a-DN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

	Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại bị cấm)
4631	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ
4633	Bán buôn đồ uống
4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác Bán buôn dầu thô Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan
4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm kinh doanh vàng miếng)
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
4721	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh
4724	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh
4730	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh
4741	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh
4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh
4781	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ
4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL

Địa chỉ: Tầng 5, tòa N02, Gold Season, số 47, đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**Mẫu số B09a-DN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

	bảo hiểm xã hội) Chi tiết: Dịch vụ trung gian thanh toán (Điều 15 nghị định 101/2012 ND-CP)
6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư
6810 (Chính)	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản (Điều 10 - Luật kinh doanh bất động sản số: 66/2014/QH13)
6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Tư vấn bất động sản (Điều 74 - Luật kinh doanh bất động sản số: 66/2014/QH13) - Môi giới bất động sản (Điều 62 - Luật kinh doanh bất động sản số: 66/2014/QH13)
7020	Hoạt động tư vấn quản lý
7211	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên
7212	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ
7213	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược
7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất.
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
7820	Cung ứng lao động tạm thời
7911	Đại lý du lịch
8129	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt
8292	Dịch vụ đóng gói
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh
8511	Giáo dục nhà trẻ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL

Địa chỉ: Tầng 5, tòa NO2, Gold Season, số 47, đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**Mẫu số B09a-DN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

8512	Giáo dục mẫu giáo
8559	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu
8560	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
9620	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú
4641	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Khi thực hiện công tác kế toán, Công ty áp dụng các loại tỷ giá sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL

Địa chỉ: Tầng 5, tòa N02, Gold Season, số 47, đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh:

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

c) Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay được phản ánh theo khế ước cho vay giữa Công ty với các đối tượng vay không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

d) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

e) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

f) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:

Các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

g) Lập dự phòng đầu tư tài chính

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

a) Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

b) Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL

Địa chỉ: Tầng 5, tòa NO2, Gold Season, số 47, đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**Mẫu số B09a-DN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư**a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	05-50 năm
- Máy móc thiết bị	05-25 năm
- Phương tiện vận tải	01-10 năm
- Thiết bị văn phòng	03-10 năm

b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính**c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư****7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh****8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại****9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL

Địa chỉ: Tầng 5, tòa N02, Gold Season, số 47, đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**Mẫu số B09a-DN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh được dự kiến tạo ra.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán được từng đội theo dõi và chịu trách nhiệm.

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận khi Công ty nhận được hàng hóa, dịch vụ từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
 - Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu, chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ.
 - Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh
 - Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL

Địa chỉ: Tầng 5, tòa N02, Gold Season, số 47, đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

e) Thu nhập khác

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ của Công ty.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL

Địa chỉ: Tầng 5, tòa NO2, Gold Season, số 47, đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**Mẫu số B09a-DN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong năm.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

22. Công cụ tài chính**a) Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

b) Nợ phải trả tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL

Địa chỉ: Tầng 5, tòa N02, Gold Season, số 47, đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**Mẫu số B09a-DN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau: gạch, thép, vận chuyển...

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường cụ thể và có rủi ro, lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường cụ thể và có rủi ro, lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL

Địa chỉ: Tầng 5, tòa N02, Gold Season, số 47, đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

11/07/2025
N c h
V c h
11/07/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL

Địa chỉ : Tầng 5, tòa NO2, Gold Season, số 47, đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

Mẫu số B09a - DN

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	154,788,623	319,557,623
Tiền gửi ngân hàng	5,885,112,930	12,066,630,388
Cộng	6,039,901,553	12,386,188,011

5.2 PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	25,405,000,000	-	14,889,758,279	-
- Phải thu lãi cho vay	305,000,000		88,219,178	
- Tạm ứng	100,000,000		2,801,539,101	
- Phải thu khác	25,000,000,000		12,000,000,000	
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và dịch vụ Thái Dương	25,000,000,000			
b) Dài hạn	5,000,000,000		5,001,600,000	-
Ký quỹ, ký cược	5,000,000,000		5,001,600,000	
Ký quỹ, ký cược (Bên liên quan)	5,000,000,000		5,000,000,000	

5.3 PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	16,000,000,000		13,500,000,000	
Cho vay	16,000,000,000		13,500,000,000	
+ Ông Phan Thanh Hùng			3,500,000,000	
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Hải	10,000,000,000		10,000,000,000	
+ Khác	6,000,000,000			

5.4 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số Cuối kỳ	Số đầu năm
Phải nộp	563,967,541	321,096,485
- Thuế GTGT	433,950,737	6,985,618
- Thuế TNDN	115,633,172	314,110,867
- Khác	14,383,632	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL

Địa chỉ : Tầng 5, tòa NO2, Gold Season, số 47, đường Nguyễn Tuấn, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

Mẫu số B09a - DN

5.5 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	75,969,810,000	-	-	-	-	30,417,272	76,000,227,272
Tăng vốn năm trước							-
Lãi trong năm trước						1,296,728,829	1,296,728,829
Tăng khác							-
Giảm vốn trong năm trước							-
Lỗ trong năm trước							-
Giảm khác							-
Số dư cuối năm trước	75,969,810,000	-	-	-	-	1,327,146,101	77,296,956,101
Tăng vốn trong kỳ này							-
Lãi trong kỳ này						687,682,522	687,682,522
Tăng khác							-
Giảm vốn trong kỳ này							-
Lỗ do hoàn nhập trong kỳ này							-
Giảm khác							-
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức							-
Số dư cuối kỳ	75,969,810,000	-	-	-	-	2,014,828,623	77,984,638,623

11 11 11

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL

Địa chỉ : Tầng 5, tòa NO2, Gold Season, số 47, đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
6.1 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Từ 01/10/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024	
Doanh thu	11.790.881.800	8.111.762.209	
- Doanh thu bán hàng hàng hóa và cung cấp dịch vụ	11.790.881.800	8.111.762.209	
6.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Từ 01/10/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024	
Giá vốn của hàng đã bán	11.557.722.669	7.819.734.607	
- Giá vốn bán hàng hàng hóa và cung cấp dịch vụ	11.557.722.669	7.819.734.607	
6.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Từ 01/10/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024	
Lãi tiền gửi và cho vay	550.950.849	690.282.455	
Cổ tức	155.650.000		
Lãi bán chứng khoán	510.135.036	150.837.826	
Cộng	1.216.735.885	841.120.281	
6.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Từ 01/10/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024	
Chi phí lãi vay	4.590.525		
Chi phí giao dịch chứng khoán	8.957.079	3.220.200	
Lỗ bán chứng khoán	2.330.000		
Cộng	15.877.604	3.220.200	
6.5 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Từ 01/10/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024	
Chi phí bán hàng			
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(391.160.783)	2.705.685	
Cộng	(391.160.783)	2.705.685	
6.6 THU NHẬP KHÁC	Từ 01/10/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024	
Thu nhập khác	5.541	54.362	
Cộng	5.541	54.362	
6.7 CHI PHÍ KHÁC	Từ 01/10/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024	
Các khoản bị phạt lãi chậm nộp+ chi phí khác	26.501.635	9.214.120	
Cộng	26.501.635	9.214.120	
6.8 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH			

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL

Địa chỉ : Tầng 5, tòa NO2, Gold Season, số 47, đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B09a - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

	Từ 01/10/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024
Lợi nhuận trước thuế	1.798.682.081	1.118.062.340
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(1.118.486.952)	9.214.120
- Các khoản điều chỉnh tăng	32.529.435	9.214.120
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.151.016.387	
Lợi nhuận chịu thuế	680.195.129	1.127.276.460
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	115.633.172	225.455.292
Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	115.633.172	225.455.292

6.9 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

6.10 Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập dựa trên số liệu cuối kỳ năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và Dịch vụ tin học Moore AISC

Người lập biểu

Đặng Thị Minh Thúy

Kế toán trưởng

Lê Thị Khánh Hòa



Phan Nam Giang